TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 58**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2018
V/v tranh chấp:“ *Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Ông Nguyễn Tấn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2018/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm BK 7, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG.

Nơi ở hiện nay: khóm BĐ 2, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh S, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm BK 7, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:* Chị và anh Lê Thanh S quen biết nhau qua mai mối. Đến năm 2007, chị và anh S tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/KH.BK, quyển số 01/07, cấp ngày 09/04/2007. Từ khi về sống chung với nhau, chị và anh S thường xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp, anh S không lo làm ăn phụ tiếp gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng

04/2016, chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Chị nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn để trả lại cuộc sống tự do cho cả hai. Nay, chị yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh S.

+ Về con chung: có một con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 21/06/2008. Hiện con chung đang sống cùng với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có

- Phần trình bày của bị đơn anh Lê Thanh S: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Lê Thanh S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D với anh Lê Thanh S, về quan hệ con chung giao cháu Lê Hoàng Q, sinh ngày 21/6/2008 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê Thanh S mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh S vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Thanh S đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2007, chị D và anh S qua mai mối nhưng có tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Hôn nhân giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số

65/KH.BK, quyển số 01/07, cấp ngày 09/04/2007. Theo chị D trình bày vợ chồng từ khi về sống chung với nhau, chị và anh S thường xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn phụ tiếp gia đình, không quan tâm đến vợ con.

Tại phiên tòa, chị D xác định chị đã nhiều lần suy nghĩ nhưng tình cảm vợ chồng chị khó hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn và tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh S được tống đạt các văn bản nhưng anh S không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị D xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị D không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh S, còn anh S không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa chị D với anh S không còn tồn tại trên thực tế từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D với anh Lê Thanh S.

[4] *Về con chung:* Nguyên đơn chị D trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị D và anh Lê Thanh S chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 21/06/2008. Hiện con chung đang sống cùng với chị D, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Q chưa thành niên và đang được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của cháu Q không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn nên chị D yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Q mong muốn sống cùng với mẹ tại biên bản ngày 26/3/2018, nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị D là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp thuận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh S không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên chị D xác định không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị D trình bày không tranh chấp, tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh S vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 232; khoản 1 Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lê Thanh S

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D đối với anh Lê Thanh S.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung Lê Hoàng Q, sinh ngày 21/06/2008 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu

2.3. Chị D phải tạo điều kiện cho anh S trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005127 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX ngày 21/3/2018. Chị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh S không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND phường Bình Khánh;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy